**HƯỚNG DẪN VÀ ĐÁP ÁN CHẤM**

**ĐỀ THI CHỌN HSG LỚP 9 THCS – NĂM HỌC 2015 - 2016**

**Khóa ngày 23/03/2016**

**Môn: ĐỊA LÍ**

*(Đáp án gồm có 03 trang)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | | | **Điểm** |
| **Câu 1**  **(2,0đ)** | **a. Trích bày mối quan hệ về phân bố của các vòng đai nhiệt và các đai khí áp trên Trái Đất.** | | | | |
| ***1,25*** | + Phân bố các vòng đai nhiệt và đai khí áp.  + Sự phân bố các đai khí áp gắn với sự phân bố các vòng đai nhiệt (dẫn chứng).  + Nêu sự hình thành các đai áp thấp và áp cao để thấy có hai nguyên nhân hình thành đai khí áp là do nhiệt lực và động lực, nguyên nhân động lực liên quan đến nhiệt lực). | | | *0,25*  *0,5*  *0,5* |
| **b. Giải thích tại sao nhiệt độ trung bình của bán cầu Bắc vào thời kì Trái Đất ở xa Mặt Trời cao hơn thời kì Trái Đất ở gần Mặt Trời.** | | | | |
| ***0,75*** | | - Thời kì Trái Đất ở xa Mặt Trời, bán cầu Bắc nghiêng về phía Mặt Trời.  - Góc nhập xạ lớn.  - Thời gian ban ngày dài hơn ban đêm. | | *0,25*  *0,25*  *0,25* |
| **Câu 2**  **(1,5đ)** | **Trình bày đặc điểm địa hình vùng núi Trường Sơn Bắc** | | | | |
| ***1,0*** | - Phạm vi: từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã.  - Địa hình thấp và hẹp ngang, đồi núi thấp chiếm ưu thế.  - Gồm các dãy núi song song và so le theo hướng Tây Bắc - Đông Nam.  - Địa hình được nâng cao ở hai đầu, phía bắc là vùng núi Tây Nghệ An và phía nam là vùng núi Tây Thừa Thiên Huế, thấp trũng ở giữa là vùng đá vôi Quảng Bình và vùng đồi núi thấp Quảng Trị. Cuối cùng là dãy Bạch Mã đâm ngang ra biển. | | | *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25* |
| **b. Tác động của đặc điểm địa hình Trường Sơn Bắc đến khí hậu tỉnh Quảng Bình** | | | | |
| ***0,5*** | | | - Hướng núi Tây Bắc - Đông Nam tạo nên hiện tượng Phơn đối với hướng gió Tây Nam vào đầu mùa hạ, đón gió Đông Bắc vào mùa đông nên có mùa mưa muộn dần về thu - đông.  - Hướng núi Tây - Đông của Hoành Sơn làm cho khí hậu Quảng Bình (đặc biệt phần lãnh thổ phía Bắc QB) có mùa đông ấm hơn các tỉnh phía Bắc của Bắc Trung Bộ, chỉ còn 1- 2 tháng lạnh. | *0,25*  *0,25* |
| **Câu 3**  **(2,0đ)** | **a. So sánh quy mô, cơ cấu ngành của trung tâm công nghiệp Hồ Chí Minh và Đà Nẵng? Giải thích vì sao có sự khác biệt về cơ cấu ngành của 2 trung tâm này?** | | | | |
| ***1,5*** | **\* So sánh:**  - Về quy mô: TTCN thành phố Hồ Chí Minh có quy mô (trên 120 nghìn tỉ đồng) lớn hơn Đà Nẵng (từ 9 đến 40 nghìn tỉ đồng).  - Cơ cấu ngành: TTCN thành phố Hồ Chí Minh có cơ cấu ngành đa dạng hơn Đà Nẵng, có các ngành mà Đà Nẵng không có (luyện kim, sản xuất ô tô, vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm,…).  **\* Giải thích:**  Do sự khác nhau về nguồn lực phát triển, TP. Hồ Chí Minh có vị trí địa lí và tài nguyên thiên nhiên thuận lợi hơn:  + TP. Hồ Chí Minh là thành phố lớn nhất cả nước và là đầu mối GTVT quan trọng nhất của các tỉnh phía Nam. Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Đà Nẵng nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, là đầu mối giao thông vận tải của các tỉnh miền Trung.  + TP. Hồ Chí Minh nằm trong vùng kinh tế Đông Nam Bộ, nơi có trữ lượng dầu khí lớn và giàu tài nguyên nông - lâm - thủy sản, có tiềm năng thủy điện; kề với Đồng bằng sông Cửu Long - vùng trọng điểm lương thực và thực phẩm lớn nhất cả nước. Đà Nẵng nằm trong vùng giàu tài nguyên thủy sản.  + Dân số TP. Hồ Chí Minh đông, nguồn lao động dồi dào, có trình độ khoa học kĩ thuật cao.  + TP. Hồ Chí Minh có số lượng và chất lượng CSHT và CSVCKT cao nhất trong cả nước, đặc biệt là giao thông, thông tin liên lạc, với nhiều ngành công nghiệp có năng lực cao...., nguồn vốn đầu tư lớn, thị trường tiêu thụ rộng lớn hơn Đà Nẵng. | | | *0,25*  *0,25*  *0,25*  0*,25*  *0,25*  *0,25* |
| **b. Nêu những khó khăn trong phát triển công nghiệp của tỉnh Quảng Bình.** | | | | |
| ***0,5*** | - Nghèo khoáng sản và nguyên liệu từ nông nghiệp; Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có nhiều thiên tai như bão, lũ lụt, gió Phơn khô nóng,...  - Nguồn lao động có trình độ chuyên môn kĩ thuật chưa cao, chất lượng cuộc sống thấp, sức mua hạn chế. Cơ sở vật chất kĩ thuật còn nghèo, vốn đầu tư hạn chế,... | | | *0,25*  *0,25* |
| **Câu 4**  **(2,0đ)** | **a. Trình bày điều kiện để phát triển ngành nông nghiệp của Tây Nguyên.** | | | | |
| ***1,5*** | **\* Điều kiện thuận lợi:**  - Đất badan có diện tích rộng, màu mỡ, thích hợp với cây công nghiệp lâu năm. Thuận lợi cho thành lập các vùng chuyên canh quy mô lớn.  - Khí hậu cận xích đạo gió mùa, nhiệt lượng dồi dào cùng với nguồn nước phong phú, là điều kiện thuận lợi cho cây trồng phát triển; mùa khô kéo dài thuận lợi cho phơi sấy.  - Nhiệt, ẩm có sự phân hoá theo độ cao địa hình thuận lợi cho trồng cả cây công nghiệp nhiệt đới (cà phê, cao su,...) và cây có nguồn gốc cận nhiệt (chè,...).  - Có các đồng cỏ thuận lợi để phát triển chăn nuôi gia súc lớn như bò  thịt, bò sữa (Lâm Đồng, KonTum).  - Tài nguyên rừng giàu có nhất nước ta tạo thuận lợi ngành trồng rừng  phát triển.  **\* Khó khăn:**  - Mùa khô kéo dài gây trở ngại cho sản xuất. Mùa mưa gây xói mòn đất, nhất là ở những nơi mất lớp phủ thực vật. | | | *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25*  *0,25* |
| **b. Vì sao phát triển nông nghiệp ở Tây Nguyên cần đi đôi với bảo vệ rừng?** | | | | |
| ***0,5*** | - Rừng bị tàn phá nhanh, làm giảm nhanh độ che phủ, tác động tiêu cực đến tính đa dạng sinh học, môi trường, gây xói mòn, bạc màu đất nông nghiệp.  - Mất rừng làm hạ thấp mực nước trong các hồ thủy lợi, làm hạ thấp nước ngầm về mùa khô, gây khó khăn cho tưới tiêu trong nông nghiệp trong điều kiện ở đây có mùa khô kéo dài. | | | *0,25*  *0,25* |
| **Câu 5 (2,5đ)** | **a. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện sự thay đổi cơ cấu diện tích cây công nghiệp nước ta giai đoạn 2000 - 2012.** | | | | |
| ***1,5*** | **- Xử lí số liệu:**  CƠ CẤU DIỆN TÍCH CÂY CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA  GIAI ĐOẠN 2000 – 2012 *(Đơn vị: %)*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **2000** | **2005** | **2008** | **2012** | | Tổng diện tích | 100,0 | 100,0 | 100,0 | 100,0 | | Cây công nghiệp hàng năm | 34,9 | 34,5 | 29,9 | 24,7 | | Cây công nghiệp lâu năm | 65,1 | 65,5 | 70,1 | 75,3 |   - Vẽ biểu đồ miền (biểu đồ dạng khác không cho điểm)  Yêu cầu: Đảm bảo chính xác về tỷ lệ, đơn vị, có chú giải và tên biểu đồ. Nếu thiếu trừ 0,25 điểm/nội dung. | | | *0,5*  *1,0* |
| **b. Nhận xét và giải thích sự thay đổi cơ cấu diện tích cây công nghiệp nước ta trong giai đoạn 2000 - 2012.** | | | | |
| ***1,0*** | **\* Nhận xét:**  Cơ cấu diện tích cây công nghiệp của nước ta chuyển dịch theo hướng: Tỷ trọng cây công nghiệp hàng năm giảm liên tục, tỷ trong cây công nghiệp lâu năm tăng nhanh (dẫn chứng).  **\* Giải thích:**  - Chuyển dịch theo xu thế chung của sản xuất nông nghiệp.  - Cây công nghiệp lâu năm tăng nhanh, do nhu cầu của thị trường xuất khẩu được mở rộng, mang lại hiệu quả kinh tế cao, các điều kiện tự nhiên và khả năng mở rộng diện tích thuận lợi,... | | | *0,5*  *0,25*  *0,25* |
| **ĐIỂM TOÀN BÀI THI: CÂU 1 + CÂU 2 + CÂU 3 + CÂU 4 + CÂU 5 = 10,0 ĐIỂM** | | | | | |

**Lưu ý:**

**-** *Nếu thí sinh trình bày theo cách khác so với hướng dẫn chấm, nhưng đúng về nội dung vẫn cho điểm.*

**-** *Điểm toàn bài chính xác đến 0,25 điểm.*

*- Những ý yêu cầu dẫn chứng, nếu không có chỉ cho ½ số điểm.*

**…………………………HẾT………........………………**